

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21/02/2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Đình Tâm

2. Bà Nguyễn Thị Hà

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Đức Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoàn – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thu H - Sinh năm: 1995

HKTT: Thôn Bình Chính, xã Thạch Sơn, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.
Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn T - Sinh năm: 1994

HKTT: Thôn Bình Chính, xã Thạch Sơn, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 26/7/2018 và tại phiên tòa chị Bùi Thu H trình bày: Chị và anh Lê Văn T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 28/4/2016 tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã Thành An, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không cùng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra bất hòa, thời gian kéo dài khiến cho cả hai vợ chồng đều cảm thấy mệt mỏi và chán nản. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2017 đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Ngọc Lan, sinh ngày 18/7/2016. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc Lan và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 700.000 đ (Bảy trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2018 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý và triệu tập hợp lệ anh Lê Văn T đến Tòa án để làm bản tự khai nhưng anh T vắng mặt nên không có lời khai của anh T trong hồ sơ vụ án. Tòa án cũng đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh T không có mặt nên tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh T theo khoản 3 điều 210 BLTTDS. Anh T đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh T đều không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Tòa án đã tuân thủ đúng quy định về trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX áp dụng điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh T. Về con cái giao cháu Lê Ngọc Lan cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 700.000 đ (Bảy trăm nghìn đồng). Về tài sản, chị H không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Bùi Thu H và anh Lê Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/4/2016 tại UBND xã Thành An, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 điều 28 BLTTDS. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã bất hòa, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng không thể khắc phục được mâu thuẫn nên đã ly thân từ tháng 4/2017 đến nay không ai quan tâm đến ai. Việc này Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương và được trưởng thôn Bình Chính xã Thạch Sơn xác nhận. Mặc dù anh T được thông báo hợp lệ đến để làm bản tự khai trình bày ý kiến và tham gia hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt. Chứng tỏ anh T không còn tha thiết hàn gắn tình cảm vợ chồng, xây dựng hạnh phúc gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Bùi Thu H được ly hôn anh Lê Văn T để giải phóng cho người phụ nữ là cần thiết và phù hợp pháp luật.

[2] Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Ngọc Lan, sinh ngày 18/7/2016. Hiện nay cháu Lan đang ở với chị H. Nguyên vọng của chị H là xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc Lan và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 700.000 đ (Bảy trăm nghìn đồng). Xét hoàn cảnh thực tế cháu Ngọc Lan chưa được 3 tuổi, đang còn nhỏ, giới tính nữ, rất cần bàn tay chăm sóc của người mẹ, bên cạnh mẹ. Để đảm bảo khả năng phát triển bình thường và điều kiện học hành ổn định cho cháu, tránh sự xáo trộn trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày của cháu.

Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị H giao cháu Ngọc Lan cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng nhằm ưu tiên và đảm bảo quyền lợi cho người phụ nữ là cần thiết. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 700.000 đ (Bảy trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu Ngọc Lan đủ 18 tuổi là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế, giới tính và các quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 207, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228, khoản 2 điều 482, khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thu H được ly hôn anh Lê Văn T.

Về con cái: Giao cháu Lê Ngọc Lan, sinh ngày 18/7/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 700.000đ (Bảy trăm ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 02/2019 cho đến khi cháu Ngọc Lan đủ 18 tuổi.

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Anh T có quyền đi lại trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Kể từ khi chị H có đơn yêu cầu thi hành án phần cấp dưỡng nuôi con, nếu chưa thi hành án, hàng tháng anh T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại điều 357 và khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Chị Bùi Thu H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị H đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2016/0003377 ngày 23/7/2018. Chị H đã nộp đủ án phí. Anh Lê Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị H, vắng mặt anh T. Chị H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã Thành An;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lưu Đình Tâm

Nguyễn Thị Hà

Phạm Văn Hùng

